TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v tranh chấp về xác định cha - con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc "tranh chấp về xác định cha - con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số N, ấp M, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường C, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số E, ấp F, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Cháu Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 11/11/2015; địa chỉ: Số N, ấp M, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022; bản tự khai ngày 21/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 19/4/2016, bà H và ông Lê Hữu T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà

H và ông T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 11/11/2015. Năm 2021, bà H và ông T tự nguyện ly hôn theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 113/2021/QĐCNKQHGT-HNGĐ ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, theo quyết định ly hôn thì ông T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thành N. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi dưỡng, ông T có đưa cháu N đi làm xét nghiệm AND để xác định quan hệ cha - con giữa ông T và cháu N. Theo Kết quả xét nghiệm ADN do Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPLUS, Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ DNA TESTINGS cho kết quả là giữa ông T với cháu N không có quan hệ huyết thống cha - con. Mặt khác, tại một kết quả xét nghiệm AND khác giữa ông Phạm H với cháu N do Công ty TNHH Đầu tư và Phân tích Di Truyền Gen Việt xét nghiệm và cho kết quả giữa ông Phạm H với cháu N có quan hệ huyết thống cha - con. Do ông T không phải là cha đẻ của cháu Lê Nguyễn Thành N, vì vậy bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông T không phải là cha đẻ của cháu Lê Nguyễn Thành N.

Tài liệu chứng cứ do bà H cung cấp: Bản photo quyết định ly hôn số 113/2021/QĐCNKQHGT-HNGĐ ngày 23/4/2021; Bản sao Trích lục giấy khai sinh Lê Nguyễn Thành N; Bản chính kết quả xét nghiệm AND số 530GV/03.22/AND ngày 04/3/2022 của Công ty TNHH Đầu tư và phân tích di truyền Gen Việt; Bản chính photo kết quả xét nghiệm AND số 22130PG/DNA ngày 18/02/2022 của Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ GENPLUS; Bản photo kết quả phân tích AND huyết thống số FU86_22.M1 ngày 22/02/2022 của Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ DNA TESTINGS.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung trong thời kỳ hôn nhân và toàn bộ chứng cứ do bà H cung cấp cho Tòa án. Trong quá trình nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Thành N thì ông T có đưa cháu N đi làm xét nghiệm AND tại Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ GENPLUS và Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ DNA TESTINGS, kết quả đều thể hiện ông T không phải là cha đẻ của cháu N. Sau khi biết sự thật, ông T đã giao trả cháu N cho bà H nuôi dưỡng. Nay, bà H khởi kiện ông T, yêu cầu Tòa án xác định cháu N không phải là con đẻ của ông T thì ông T đồng ý.

Tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp: Bản chính kết quả xét nghiệm AND số 22130PG/DNA ngày 18/02/2022 của Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ GENPLUS; Bản chính kết quả phân tích AND huyết thống số FU86_22.M1 ngày 22/02/2022 của Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ DNA TESTINGS.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2022, bị đơn ông Phạm H trình bày:

Ông H và bà H quen biết nhau từ năm 2014, khi đó bà H vẫn chưa kết hôn với ông T. Trong thời gian quen biết với bà H, ông H và bà H phát sinh tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng. Trong thời gian này, bà H có thai với ông H nhưng ông H không biết. Đến ngày 19/4/2016 thì bà H kết hôn với ông T và sinh ra cháu Lê Nguyễn Thành N ngày 11/11/2015. Cháu N được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông T nhưng thật tế cháu N có quan hệ huyết thống cha – con với ông H. Và qua kết quả giám định ADN xác định ông H cha đẻ của cháu N. Do đó, ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu Tòa án xác định ông T không phải là cha đẻ của cháu N mà ông H mới là cha đẻ của cháu N.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H, ông T và ông H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông T không phải là cha đẻ của cháu Lê Nguyễn Thành N. Quá trình giải quyết vụ án, qua kết quả giám định DNA huyết thống do Tòa án tiến hành trưng cầu giám định và các đương sự thống nhất giữa ông T và cháu Lê Nguyễn Thành N không có quan hệ huyết thống cha – con. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện tranh chấp về xác định cha cho con đối với ông Lê Hữu T. Ông T hiện đang cư trú tại số A, khu phố B, phường C, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H, ông T và ông H có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H, ông T và ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà H và ông T tự nguyện ly hôn tại Quyết định công nhận thỏa thuận số 113/2021/QĐCNKQHGT-HNGĐ ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D. Theo Quyết định ly hôn thì ông T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 11/11/2015. Theo Trích lục khai sinh số 68/TLKS-BS ngày 22/4/2016 do Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp thể hiện: *Cháu Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 11/11/2015, họ tên người mẹ là Nguyễn Thị Ngọc H, họ tên người cha là Lê Hữu T*. Cháu N được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T (từ ngày 19/4/2016 đến ngày 23/4/2021). Tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về xác định cha, mẹ như sau: *"1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng. 2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định"*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì cháu N là con chung của bà H và ông T, trừ trường hợp bà H và ông T có chứng cứ chứng minh cháu Lê Nguyễn Thành N không phải là con đẻ của ông T. Quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông T và ông H đều thống nhất xác định giữa ông T và cháu N không có quan hệ huyết thống cha – con và cùng có yêu cầu Tòa án xác định ông T không phải là cha đẻ của cháu N Tại Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 7891-DTHPT-DNA HT ngày 05/7/2022

của Bệnh viện Truyền máu huyết học, Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Lê Hữu T không phải là cha đẻ của Lê Nguyễn Thành N. Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định ông T không phải là cha đẻ của cháu N. Yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 và các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với ông Lê Hữu T về xác định cha - con. Xác định ông Lê Hữu T không phải là cha đẻ của cháu Lê Nguyễn Thành N sinh ngày 11/11/2015.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Hữu T, ông Phạm H và cháu Lê Nguyễn Thành N có trách nhiệm đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003983, ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	(Đã ký)
Nguyễn Thị Thu Vân	**Nguyễn Văn Hoàn**
Đào Thị Thu Vân	